TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2023
V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Trang

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2023 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/1998 tại UBND xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và sống ly thân mỗi người một nơi từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có gặp gỡ trao đổi để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng không có kết quả. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T1 nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Diệu C sinh ngày 10/7/1999, Nguyễn Huyền D sinh ngày 14/6/2001 đều đã trưởng thành và Nguyễn Thị Hồng P sinh ngày 20/6/2011. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu Phúc.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 24/3/2023,UBND xã Hồng Tiến cung cấp:* Chị T và anh T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Tiến vào ngày 24/5/1998. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xô xát, chính quyền địa phương và hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn căng thẳng. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày, hiện cháu C và cháu D đã trưởng thành còn cháu P đang học lớp 6 và ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung theo quy định của pháp luật. Vợ chồng không vay nợ của các tổ chức, đoàn thể của địa phương. Anh T1 hiện làm tự do vẫn cư trú tại địa phương. Anh T1 đã biết việc chị T xin ly hôn, đã nhận được các văn bản của Tòa án và UBND xã yêu cầu làm việc tuy nhiên do anh T1 theo đạo Thiên chúa giáo nên không được ly hôn mà chỉ được sống ly thân nên anh T1 và đại diện gia đình anh T1 không đến Tòa án và không đến UBND xã Hồng Tiến để làm việc cùng Tòa án.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ

án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hồng P. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở UBND xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn là chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T kết hôn với anh T1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm đến nhau từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh T1 vắng mặt. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên

tòa, xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Diệu C sinh ngày 10/7/1999, Nguyễn Huyền D sinh ngày 14/6/2001 đều đã trưởng thành và Nguyễn Thị Hồng P sinh ngày 20/6/2011. Cháu C và D đã trên 18 tuổi, cháu P đang ở cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng con chung là quyền lợi và nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu P đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu có nguyện vọng được ở với chị T. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, ý kiến của Viện kiểm sát: giao cháu P cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung. Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về mức cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi được lời khai của anh T1 nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Thị Hồng P sinh ngày 20/6/2011. Chị T

không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Chị T và anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001839 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị T, anh T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã Hồng Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân